

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 25/2020/DS-PT
Ngày 23 – 3 - 2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết;

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Toàn;

Bà Võ Thị Thanh Phượng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Minh .

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Ông Nguyễn Đình Thắng -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về “tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 105/2019/DS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2020 /QĐ-PT-ngày 20 tháng 2 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khu phố X, phường T1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Huy H1, sinh năm: 1982 (Văn bản ủy quyền ngày 29/7/2016).

Hộ khẩu thường trú: Tổ Y, ấp Z, xã L2, huyện Nh, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên hệ: Đường B, khu hành chính huyện Nh, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974.

HKTT: Ấp T2, xã V1, huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: tổ X1, khu phố Y1, phường Tr1, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: tổ X2, khu phố Y2, phường Z2, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai..

8. Người kháng cáo: Bà Ngô Thị L, nguyên đơn (do đại diện theo ủy quyền ông Lê Huy H1 kháng cáo).

(Ông H1 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị L do ông Lê Huy H1 đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01 tháng 7 năm 2014, bà Ngô Thị L cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 730.000.000 đồng với lãi suất theo thỏa thuận là 0,167%/ngày. Bà Nguyễn Thị H viết “giấy mượn tiền” và ký tên, hẹn đến ngày 10/7/2014 sẽ trả hết số tiền trên. Giấy mượn tiền viết 01 (một) bản chính do bà L giữ. Từ ngày vay cho đến nay bà Nguyễn Thị H chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà Ngô Thị L mặc dù bà L nhiều lần đến nhà đòi tiền. Tại thời điểm bà Ngô Thị L khởi kiện vào tháng 8 năm 2016, bà H trốn tránh nên bà L không gặp và liên lạc được với bà H.

Nay bà L yêu cầu bà H thanh toán tiền nợ gốc 730.000.000 đồng.

Tiền lãi suất trong hạn từ ngày 01/7/2014 đến ngày 10/7/2014 là 10 ngày x 0,75%/tháng x 730.000.000 đồng = 1.825.000đồng.

Tiền lãi suất quá hạn từ ngày 11/7/2014 đến ngày 12/11/2019 là 05 năm 04 tháng 01 ngày x 1,125%/tháng x 730.000.000 đồng = (8.212.500đồng : 30 ngày = 273.750đồng) x 1.921 ngày = 525.873.750 đồng.

Tổng tiền lãi là: 527.698.750 đồng

Tổng cộng gốc và lãi là = 1.257.698.750 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 22/10/2019 và biên bản làm việc ngày 22/10/2019, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thực tế bà không vay của bà Ngô Thị L số tiền 730.000.000đồng. Bà và bà Ngô Thị L làm ăn với nhau, bà biết bà L có cho vay tiền góp nên bà có vay tiền nhiều lần của bà Ngô Thị L. Mỗi lần vay số tiền 20.000.000đồng đến 30.000.000đồng, góp hàng tháng với lãi suất 16%, bà phải góp cho bà L 8.000.000 đồng trong vòng 29 ngày. Do buôn bán ế không có tiền góp đủ, qua tháng bà L lại tính tiền lãi rồi chồng lên. Sau đó bà L hỏi cho bà một dây hụi hốt hụi được 160.000.000đồng, bà L lấy hết rồi đưa cho bà 55.000.000đồng. Bà lại tiếp tục trả góp cho bà L cho đến lúc không còn góp nổi, chưa bao giờ bà L cho bà vay được 100.000.000 đồng. Bà xác định “giấy mượn tiền” ngày 01/7/2014 do bà viết và ký tên, tuy nhiên do bà bị bà L ép buộc nên bà phải viết và ký tên để được về nhà. Khi sự việc xảy ra chỉ có bà và bà L nên không có ai chứng kiến.

Bà chỉ thừa nhận có vay của bà Ngô Thị L số tiền 100.000.000đồng và chỉ đồng ý trả cho bà Ngô Thị L số tiền gốc 100.000.000đồng. Đối với tiền lãi suất do

trước đây bà đã trả lãi cho bà L nhiều lần, hiện tại bà không có khả năng thanh toán nên bà không đồng ý trả tiền lãi cho bà Ngô Thị L.

- Tại bản án sơ thẩm số 105/2019/DS – ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã tuyên:

Căn cứ điều 26, 35, khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 471 và Điều 474 của bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L về việc “Đòi lại tài sản” với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho bà Ngô Thị L số tiền nợ gốc 730.000.000 đồng (Bảy trăm ba mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả tiền lãi suất vay là 527.698.750 đồng (Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 33.200.000 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Thị L phải chịu 25.107.950 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn chín trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 18.825.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Ngô Thị L đã nộp theo biên lai số 000239 ngày 30/9/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí bà L phải chịu. Bà Ngô Thị L còn phải chịu 6.282.950 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

- Ngày 20/11/2019, ông Lê Huy H1 là người đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Thị L kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông H1 đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà L tiền lãi suất trong hạn và lãi suất ngoài hạn; hoặc hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của bà Ngô Thị L với lý do hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu tính lãi, bà Ngô Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

Người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự khác đã được tổng đạt hợp lệ nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, Ông H1, bà H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết kháng cáo:

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 01/7/2014 và sự thừa nhận của bà H là người viết và kí tên nên xác định việc bà H vay bà L 730.000.000 đồng như bà L trình bày là có căn cứ. Bà L khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc 730.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà Ngô Thị L đề nghị Tòa án giải quyết: buộc bà H phải tiền lãi nhưng tính đến thời điểm khởi kiện thì đã hết thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên việc bà Ngô Thị L yêu cầu bà H trả lãi đối với khoản vay ngày 01/7/2014 là không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 427, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L về việc yêu cầu bà H phải trả số tiền lãi là 527.698.750 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về quan hệ pháp luật Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Đòi lại tài sản” là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] *Về áp dụng pháp luật:*

Giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập năm 2014 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] *Về nội dung vụ án:*

Bà Ngô Thị L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả số tiền nợ gốc là 730.000.000 đồng và 527.698.750 đồng tiền lãi, tổng cộng 1.257.698.750 đồng. Bà H cho rằng bà không vay của bà L số tiền 730.000.000 đồng mà chỉ vay 100.000.000 đồng nên đồng ý trả cho bà L 100.000.000 đồng.

[4] Xét kháng cáo của Bà Ngô Thị L về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H trả số tiền lãi là 527.698.750 đồng.

4.1 Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: ngày 01/7/2014, bà Nguyễn Thị H mượn của bà L số tiền 730.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/7/2014 sẽ trả hết. Mặc dù bà H thừa nhận chỉ nợ bà L 100.000.000 đ, còn giấy nhận nợ là do bị bà L ép buộc nhưng bà H không có chứng cứ chứng minh bị ép nhận nợ. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Hàng phải trả cho bà L số tiền 730.000.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Đối với yêu cầu của bà L về việc buộc bà H trả tiền lãi (527.698.750 đồng) là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: theo giấy nhận nợ do bà H viết thì đến ngày 10/7/2014, bà H phải trả số tiền nợ trên cho bà L. Như vậy kể từ ngày tiếp theo là ngày 11/7/2014, quyền và lợi ích hợp pháp bà L bị xâm phạm, nên bà L có quyền khởi kiện để yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ của mình. Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự 2005: “Thời hiệu khởi kiện để

yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm.”, đến ngày ..bà L mới có đơn khởi kiện bà H là hết thời hiệu khởi kiện. Tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định trong trường hợp hết thời hiệu khởi kiện (2 năm) thì Tòa án chỉ giải quyết về tiền nợ gốc, đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi thì Tòa án không giải quyết vì đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

4.2. Đối với nội dung kháng cáo đề nghị “hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của bà Ngô Thị L...” nhưng bà L không có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, do vậy không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

5.1 Án phí sơ thẩm;

- Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí có giá ngạch là 33.200.000đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

- Bà Ngô Thị L phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận là 25.107.950 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn chín trăm năm mươi) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.825.000đồng, bà L phải nộp tiếp số tiền 6.282.950 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng) án phí sơ thẩm.

5.2 Án phí phúc thẩm

Kháng cáo của bà L không được chấp nhận nên bà L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 26, 35, khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, 227, 228 Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 427, 471 và Điều 474 của bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 105/2019/DS – ST ngày 12-11-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa

Phân tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu bà Ngô Thị L, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Ngô Thị L số tiền 730.000.000đồng (Bảy trăm ba mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị L về việc buộc bà Nguyễn Thị H trả số tiền lãi 527.698.750 đồng (Năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3. Về án phí :

3.1 *Án phí sơ thẩm:*

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 33.200.000đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Ngô Thị L phải chịu số tiền 25.107.950 đồng (Hai mươi lăm triệu một trăm lẻ bảy nghìn chín trăm năm mươi đồng) án phí, được khấu trừ vào số tiền 18.825.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000239 ngày 30/9/2016 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà L phải nộp tiếp số tiền án phí là 6.282.950 đồng (Sáu triệu hai trăm tám mươi hai nghìn chín trăm năm mươi đồng).

3.2 *Án phí phúc thẩm:* Bà Ngô Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001232 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

4. Nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND thành phố Biên Hòa(1);
- TAND thành phố Biên Hòa (2);
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa (1);
- Đường sự (5);
- Lưu hồ sơ vụ án(1);
- Lưu trữ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Kim Rết